TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠCH THÀNH** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07 /2025/HNGĐ-ST
Ngày: 13 – 02 - 2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Văn Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Văn Tân
2. Bà Trần Thị Dần

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Lê Tiến Trường - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoàn - Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 92/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2025/QĐST- HNGĐ ngày 14/01/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1992

Nơi ĐKHKTT: Thôn M, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: Thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Anh Quách Văn T; sinh năm: 1987

Địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên toà anh T và chị H (Chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Anh T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Quách Văn T kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 25/9/2015 tại Uỷ ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND)

xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, chị H và anh T chung sống hòa thuận đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T không chịu khó làm ăn, không quan tâm đến gia đình. Nay chị H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Quách Văn T.

Về con chung: Vợ, chồng có 03 con chung là cháu Quách Văn L, sinh ngày: 19/8/2015; cháu Quách Thị L1, sinh ngày: 25/01/2017 và cháu Quách Thị L2, sinh ngày: 28/7/2020. Sau khi ly hôn chị H có nguyện vọng nuôi cháu L và cháu L2, giao cháu L1 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Về tài sản: Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 03/12/2024, anh Quách Văn T khai:

- Về hôn nhân: Anh T và chị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào ngày 25/9/2015. Đến nay chị H xác định không còn tình cảm với tôi yêu cầuToà án nhân dân huyện T giải quyết ly hôn nên anh T đồng ý ly hôn với chị H.

- Về con chung: Vợ, chồng có 03 con chung là cháu Quách Văn L, sinh ngày: 19/8/2015; cháu Quách Thị L1, sinh ngày: 25/01/2017 và cháu Quách Thị L2, sinh ngày: 28/7/2020. Hiện nay cháu L1 và cháu L2 đang sống cùng anh T nên anh T có nguyện vọng được nuôi cháu L1 và cháu L2, giao cháu L cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

- Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung anh Quách Văn T không yêu cầu Toà án giải quyết.

*** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:**

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS); nguyên đơn, đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51; 56; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Quách Văn T.

Về con chung: Giao cháu cháu Quách Văn L, sinh ngày: 19/8/2015 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu cháu Quách Thị L1, sinh ngày: 25/01/2017 và cháu Quách Thị L2, sinh ngày: 28/7/2020 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn đối với anh Quách Văn T, anh T cư trú tại huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Nên xác định đây là vụ án ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự, nhưng anh T vắng mặt không có lí do, nên tòa án đã tiến hành mở phiên họp vắng mặt anh T và thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho anh T theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS. Anh T cũng đã được triệu tập hợp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 BLTTDS.

Anh T cũng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Chị Nguyễn Thị H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, tòa án xét xử vắng mặt chị H và anh T.

[2]. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Quách Văn T kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 25/9/2015 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn vợ, chồng đã sống ly thân. Đến nay, chị H và anh T đều yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn. HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Quách Văn T là phù hợp.

[3]. Về con chung: Vợ, chồng có 03 con chung là cháu Quách Văn L, sinh ngày: 19/8/2015; cháu Quách Thị L1, sinh ngày: 25/01/2017 và cháu Quách Thị L2, sinh ngày: 28/7/2020. Khi ly hôn, chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L và cháu L2. Giao cháu L1 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cùng nhau. Anh T có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu L1 và cháu L2, giao cháu L cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã lấy ý kiến của các cháu, cháu L có nguyện vọng được ở với mẹ, cháu L1 có nguyện vọng được ở với bố. Xét yêu cầu của chị H và anh T là chính đáng và

hợp pháp. Tuy nhiên hiện nay cháu L1 và cháu L2 đang ở với bố, được bố trực tiếp nuôi dưỡng. Để đảm bảo cho các cháu có cuộc sống ổn định, tốt nhất. Vì vậy, HĐXX xét thấy nên giao cháu L cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu L1 và cháu L2 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau theo yêu cầu của anh T là phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

[4]. Về tài sản: Chị H và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật. Số tiền chị H đã nộp tạm ứng án phí được trừ vào số tiền án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56; 58; 81; 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Quách Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Quách Văn L, sinh ngày: 19/8/2015 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Quách Thị L1, sinh ngày: 25/01/2017 và cháu Quách Thị L2, sinh ngày: 28/7/2020 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau

Chị Nguyễn Thị H và anh Quách Văn T có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) chị H đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành, theo biên lai số 0002375 ngày 07/10/2024. Chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt chị Nguyễn Thị H và anh Quách Văn T. Chị H và anh T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Thạch Thành;
- UBND xã Thành Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ Tọa phiên tòa

Bùi Văn Hải

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Văn Tân **Trần Thị Dần** **Bùi Văn Hải**